

Số: 1131/2026/QĐST-DS

Hà Nội, ngày 11 tháng 9 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 26, Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tụng dân sự; Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và 1.3 mục 1 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 03 tháng 9 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự sơ thẩm lý số 189/2026/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

***. Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần K (T3).

Địa chỉ trụ sở: Số F, Q, phường C, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: bà Phạm Thị N – Chức vụ: Giám đốc Xử lý Nợ theo quyết định số: 0267/2023/QĐ-HĐQT ngày 10/04/2023 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP K về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thu T, bà Nguyễn Thị N1, bà Hoàng Thị Thanh T1 – Chuyên viên xử lý nợ. (theo Giấy ủy quyền số 221-03/2026/UQ-TCB ngày 14/8/2026).

***. Bị đơn:** Bà Đàm Thị T2 – sinh năm 1980; CCCD 001180018121

Ông Phạm Xuân C – sinh năm 1971; CCCD 001071014883

Cùng nơi thường trú: số B, ngõ B, phường H, Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngân hàng TMCP K và ông **Phạm Xuân C**, bà **Đàm Thị T2** xác nhận và thống nhất:

- Tính đến ngày 03/9/2026 ông **Phạm Xuân C** và bà **Đàm Thị T2** còn nợ và phải trả cho **Ngân hàng TMCP K** tổng số tiền: 2.107.383.861 đồng (*Hai tỷ, một trăm linh bảy triệu, ba trăm tám mươi ba nghìn, tám trăm sáu mươi một đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 1.694.979.933 đồng; Nợ lãi trong hạn: 371.251.909 đồng; Nợ lãi quá hạn: 8.505.866 đồng; Lãi chậm trả: 32.646.153 đồng theo Hợp đồng tín dụng số TTC202291744481/HDTD và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số TTC202291744481/01 ngày 29/06/2022 các bên đã ký kết.

Kể từ ngày 04/9/2026, bà **Đàm Thị T2** và ông **Phạm Xuân C** phải tiếp tục thanh toán các khoản nợ lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số TTC202291744481/HDTD và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số TTC202291744481/01 ngày 29/06/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ trên cho **Ngân hàng TMCP K**.

- Về phương án trả nợ: Chậm nhất đến ngày 30/11/2026 bà **Đàm Thị T2** và ông **Phạm Xuân C** phải thanh toán toàn bộ khoản nợ trên và lãi phát sinh cho **Ngân hàng TMCP K**.

2.2. Về án phí:

- Bà **Đàm Thị T2** và ông **Phạm Xuân C** chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 37.073.839 đồng (*ba mươi bảy triệu, không trăm bảy mươi ba nghìn, tám trăm ba mươi chín đồng*).

- Hoàn trả lại **Ngân hàng TMCP K** 34.828.000 đồng (*Ba mươi tư triệu, tám trăm hai mươi tám nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001346 ngày 15/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 36, 71 và 72 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND KV3-HN;
- PhòngTHA DS KV3-HN;
- TATP Hà nội;
- Lưu hồ sơ.
- Lưu VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Thắm

